**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**BÀI 45: SINH QUYỂN**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC :**

**1. Về kiến thức.**

- Nêu được khái niệm sinh quyển.

- Nhận biết được các khu sinh học trên trái đất.

**2. Về năng lực.**

**a. Năng lực chung.**

-Tự chủ và tự học: Chủ động nghiên cứu thông tin SGK.

-Giao tiếp và hợp tác : Tích cực tham gia trao đổi nhóm với các bạn

-Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Giải quyết vấn đề kịp thời với các thành viên trong nhóm.

**b. Năng lực khoa học tự nhiên.**

- Nhận thức KHTN: Phát biểu được khái niệm sinh quyển và các thành phần cấu tạo chính của sinh quyển.

- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học: Nhận biết được các khu sinh học trên Trái Đất.

- Tìm hiểu tự nhiên: Lấy được ví dụ về sinh vật ở các khu sinh học.

**3. Về phẩm chất.**

- Tham gia tích cực hoạt động nhóm phù hợp với khả năng của bản thân.

- Cẩn thận, trung thực và khách quan học tập.

- Yêu thiên nhiên, có ý thức hoàn thành các nội dung bài học.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- GV: Tranh, vi deo, SGK, bảng phụ, phiếu học tập, bài dạy pp

- HS: SGK, vở ghi, vở bài tập, đọc trước nội dung bài.

|  |
| --- |
| **Phiếu học tập số 1 :**  **Câu 1:** Nêu khái niệm và các thành phần cấu tạo chính của Sinh quyển.  **Câu 2**: Lấy ví dụ về các sinh vật sống trong các lớp cấu tạo của Sinh quyển. |
|  |
| **Phiếu học tập số 2 :**  **Câu hỏi 1.** Quan sát Hình 45.2, cho biết việc hình thành các khu sinh học trên cạn khác nhau do những yếu tố nào quyết định?  **Câu hỏi 2.** So sánh đặc điểm khí hậu của các vùng nhiệt đới, vùng ôn đới, vùng cận cực và vùng cực ? |

**III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC.**

* Dạy học theo nhóm, nhóm cặp đôi.
* Dạy học nêu và giải quyết vấn đề thông qua câu hỏi trong sách KHTN.
* Sử dụng kỹ thuật công não.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.**

**HOẠT ĐỘNG 1 : HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**- Mục tiêu:** Tạo được hứng thú cho học sinh.

**- Nội dung:** Học sinh quan sát hình ảnh về Trái Đất và trả lời câu hỏi.

**- Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh

**- Tổ chức thực hiện:** GV chiếu hình ảnh về Trái Đất, yêu cầu HS trả lời câu hỏi : Các loài sinh vật sinh sống ở đâu trên Trái Đất?

## GV: Trái Đất là ngôi nhà chung của hàng triệu loài sinh vật. Cho đến nay, Trái Đất là nơi duy nhất trong vũ trụ được biết đến là có sự sống. Các loài sinh vật có thể sinh sống ở lớp đất, lớp không khí, lớp nước đại dương. Tất cả tạo nên một hệ sinh thái khổng lồ gọi là Sinh quyển. Vậy sinh quyển là gì?

**HOẠT ĐỘNG 2 : HÌNH THÀNH KHÁI NIỆM SINH QUYỂN**

**-Mục tiêu:** Phát biểu được khái niệm Sinh quyển.

**-Nội dung:** HS hoàn thành phiếu học tập 1

**-Sản phẩm:** Là câu trả lời của HS vào phiếu học tập 1

-**Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS đọc thông tin SGK trong vòng 1 phút | Học sinh nhận nhiệm vụ |
| **Thực hiện nhiệm vụ:**  GV chiếu hình 45.1 yêu cầu HS hoạt động nhóm hoàn thành phiếu học tập 1 | HS hoạt động nhóm, hoàn thành phiếu trong 5 phút |
| **Báo cáo kết quả**  Đại diện nhóm trình bày kết quả   1. Nêu khái niệm và các thành phần cấu tạo chính của Sinh quyển.   2. Lấy ví dụ về các sinh vật sống trong các lớp cấu tạo của Sinh quyển.  GV yêu cầu các nhóm nhận xét, bổ sung  - GV: Hãy lấy VD để chứng tỏ sinh vật và các nhân tố vô sinh liên quan chặt chẽ với nhau?  - GV khẳng định bản chất của sinh quyển “là một hệ sinh thái khổng lồ” và yêu cầu học sinh thảo luận nhóm 4 phút nêu các hệ sinh thái trong sinh quyển?  GV làm rõ các khái niệm khí quyển, thủy quyển, thạch quyển. | Đại diện nhóm lên trình bày lần lượt 2 câu hỏi phần thảo luận nhóm.  HS : 1. - Khái niệm: Sinh quyển là toàn bộ sinh vật sống trên Trái Đất cùng với các nhân tố vô sinh của môi trường. Các thành phần cấu tạo chính của sinh quyển bao gồm: lớp đất (thuộc thạch quyển), lớp không khí (thuộc khí quyển) và lớp nước đại dương (thuộc thủy quyển).  2. Lấy ví dụ:  - Lớp đất (thuộc thạch quyển): giun đất, dế mèn, rắn, chuột….  - Lớp không khí (thuộc khí quyển): con người, hổ, chó, mèo, lợn…  - Lớp nước đại dương (thuộc thủy quyển): cá thu, cá đuối, cá mập, cá voi….  Các nhóm còn lại nhận xét phần trình bày của nhóm bạn.  - HS nêu được như các loài động vật cần oxi của không khí, nhiệt độ, ánh sáng, độ ẩm… để duy trì sự sống.  - HS thảo luận nêu được: hệ sinh thái sa mạc, hệ sinh thái nước ngọt, hệ sinh thái rừng nhiệt đới, hệ sinh thái thảo nguyên, hệ sinh thái ven bờ biển…. |
| **Tổng kết:**  **I. Khái niệm sinh quyển**  - Sinh quyển là toàn bộ sinh vật sống trên Trái Đất cùng với các nhân tố vô sinh của môi trường.  - Các thành phần cấu tạo chính của sinh quyển bao gồm: lớp đất (thuộc thạch quyển), lớp không khí (thuộc khí quyển) và lớp nước đại dương (thuộc thủy quyển). | |

**HOẠT ĐỘNG 3: TÌM HIỂU VỀ CÁC KHU SINH HỌC CHỦ YẾU**

**-Mục tiêu:** Nhận biết được các khu sinh học trên trái đất.

**-Nội dung:** HS hoàn thành phiếu học tập số 2 và câu hỏi thảo luận.

**-Sản phẩm:** Là câu trả lời của HS

-**Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS đọc thông tin SGK trong vòng 2 phút  GV giới thiệu chung về việc phân chia các khu sinh học: ở các vùng địa lí khác nhau, điều kiện khí hậu không đồng nhất đã hình thành các khu sinh học. Các khu sinh học cơ bản được chia thành khu sinh học trên cạn, khu sinh học nước ngọt và khu sinh học biển. | Học sinh nhận nhiệm vụ |
| **Thực hiện nhiệm vụ:**  GV chiếu hình 45.2, giới thiệu về sơ đồ chung thể hiện các khu sinh học trên cạn, yêu cầu HS thảo luận nhóm (4 phút) hoàn thành phiếu học tập số 2 | HS hoạt động nhóm theo bàn, trả lời các câu hỏi phần thảo luận |
| **Báo cáo kết quả**  Đại diện nhóm trình bày kết quả  **1.** Quan sát Hình 45.2, cho biết việc hình thành các khu sinh học trên cạn khác nhau do những yếu tố nào quyết định  **2.** So sánh đặc điểm khí hậu của các vùng nhiệt đới, vùng ôn đới, vùng cận cực và vùng cực ?  GV yêu cầu các nhóm nhận xét, bổ sung  \* GV cho hs quan sát hình ảnh để giới thiệu về khu sinh học nước ngọt. Căn cứ vào tính chất dòng chảy, khu sinh học nước ngọt được chia thành hai nhóm chính là khu vực nước đứng và khu vực nước chảy.  - GV yêu cầu HS lấy VD về khu vực nước đứng và khu vực nước chảy.  \* GV sử dụng Hình 45.3 để phân tích về sự phân bố của sinh vật trong khu sinh học biển. Sự phân bố khác nhau thể hiện cả theo chiều đứng và chiều ngang. Sinh vật có sự phân bố rõ rệt, tầng nước mặt bao gồm nhiều loài sinh vật nổi, tầng giữa là các nhóm sinh vật bơi tự do, tầng dưới cùng là nơi sống của nhiều loài sinh vật đáy. Đối với sự phân bố theo chiều ngang, vùng ven bờ có thành phần sinh vật phong phú hơn so với vùng khơi.  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi (3 phút): Hãy lấy Ví dụ các sinh vật sống trong tầng nước mặt, tầng giữa, tầng dưới cùng?  - GV: Tại sao vùng ven bờ lại có thành phần sinh vật phong phú hơn vùng khơi? | Đại diện nhóm lên trình bày lần lượt 2 câu hỏi phần thảo luận nhóm.  HS: 1. Việc hình thành các khu sinh học trên cạn khác nhau là do các yếu tố nhiệt độ và độ ẩm quyết định.   1. – Vùng khí hậu nhiệt đới: nhiệt độ vẫn tương đối ổn định trong suốt cả năm. Ánh nắng mặt trời tại các vùng này khá gay gắt. Ở vùng khí hậu nhiệt đới thường chỉ có hai mùa: mùa mưa và mùa khô.   - Vùng khí hậu ôn đới: mang tính chất trung gian giữa  đới nóng và đới lạnh, nên thời tiết thay đổi thất thường; lượng nhiệt trung bình.  - Vùng khí hậu cận cực: khí hậu đặc trưng bởi mùa đông kéo dài, thường rất lạnh và mùa hè ngắn ngủi, mát mẻ ôn hòa.  - Vùng khí hậu cực: bao gồm mùa hè mát mẻ và mùa đông rất lạnh, dẫn đến sự hình thành lãnh nguyên, sông băng hoặc một lớp băng vĩnh cửu hoặc bán vĩnh cửu.  - HS nêu được: khu vực nước đứng là các ao, hồ, đầm,… khu vực nước chảy là các sông, suối,…  - HS lắng nghe  - HS nêu được:  + Tầng nước mặt: động vật phù du (động vật giáp xác, sứa, ấu trùng cá) thực vật phù du (vi khuẩn lam, tảo cát và tảo hai lá)  + Tầng giữa: Cá voi, cá mập, cá chích, cá nhám…  + Tầng đáy: hải quỳ, san hô, bọt biển, cua, tôm hùm…  - HS nêu được: Vùng ven bờ có thành phần sinh vật phong phú hơn vùng khơi vì: Vùng ven bờ có sự đa dạng về địa hình, khí hậu, môi trường đất (đất mặn, đất phèn, đất cát,…), môi trường nước (nước từ mặn cho đến lợ),… tạo ra nhiều loại môi trường sống đa dạng, thích hợp với sự sinh trưởng và phát triển của nhiều nhóm loài. |
| **Tổng kết, ghi nhớ kiến thức**  **II. Các khu sinh học chủ yếu**  Trên Trái Đất, ở các vùng địa lí khác nhau, điều kiện khí hậu không đồng nhất đã hình thành các hệ sinh thái đặc trưng các vùng gọi là khu sinh học, bao gồm các khu sinh học trên cạn, khu sinh học nước ngọt và khu sinh học biển. | |

**HOẠT ĐỘNG 4: LUYỆN TẬP - VẬN DỤNG**

1. *GV yêu cầu đọc phần “Em có biết”. Qua phần thông tin em có biết, em đã biết thêm được điều gì ?*
2. *Em đã học được gì qua bài học ?(HS đọc phần ghi nhớ)*
3. *Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm trong bài pp*

**HOẠT ĐỘNG 5: MỞ RỘNG - HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

1. *Thảo luận nhóm, lấy ví dụ về sinh vật ở các khu sinh học.*
2. *Học thuộc phần “Em đã học”*
3. *Vẽ sơ đồ tư duy bài học*
4. *Đọc trước nội dung bài mới*

*(Ghi chú : Chia tiết như sau : Tiết 1 : Phần I; Tiết 2 : Phần III và luyện tập)*